

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2022

*“V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Huệ và bà Bùi Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cảnh, là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại: Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Ngô Thị V, sinh năm 1982, nơi cư trú: khu 8, phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1982, nơi ĐKKHKT: tổ 2, khu 6, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị Vui trình bày:

- Về tình cảm: chị Ngô Thị V và anh Nguyễn Tuấn D kết hôn với nhau năm 2010, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long. Sau khi kết hôn chị V và anh D sinh sống cùng với bố mẹ chồng tại địa chỉ: tổ 2, khu 6, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh từ năm 2010 đến năm 2013; từ năm 2013 đến năm 2017 thì anh chị ở riêng tại địa chỉ: tổ 9, khu 4, phường G, thành phố H. Quá trình chung sống, chị V và anh D xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng với nhau về quan điểm sống, thường

xuyên xảy ra cãi nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau. Đến tháng 2 năm 2017, do mâu thuẫn giữa chị V và anh D trầm trọng, nên anh chị đã sống ly thân, chị V chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở khu 8, phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh sinh sống, còn anh D vẫn ở tại địa chỉ tổ 9, khu 4, phường G, thành phố H. Ngoài ra chị V còn biết được, trong thời gian anh chị sống ly thân, anh D đã chung sống với người phụ nữ khác. Đến nay, xét thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh D không thể hàn gắn được, chị V đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh D.

Về con chung: chị V và anh D có 01 con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 29/01/2016. Sau khi chị V và anh D sống ly thân, thì con chung Nguyễn Tuấn K ở cùng với chị V tại tổ 8, khu Y, thị xã Q. Chị V đề nghị được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị V không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị V và anh D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Nguyễn Tuấn D, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo thụ lý vụ án cho anh D theo đúng quy định của pháp luật (bà Vũ Thị L là mẹ đẻ của anh D đã nhận thông báo thụ lý vụ án và cam kết sẽ giao thông báo cho anh D); Ngoài ra Tòa án đã nhiều lần thực hiện thủ tục tổng đạt các giấy triệu tập cho anh D để lấy lời khai của anh D nhưng đều không tổng đạt được trực tiếp (bà Vũ Thị L đều nhận thay và cam kết giao cho anh D), thể hiện tại giấy triệu tập số 65 ngày 08/4/2022, số 65.1 ngày 08/4/2022 và Thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 65 ngày 17/5/2022.

* Các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án gồm: 01 “Biên bản làm việc” với bà Vũ Thị L (mẹ đẻ anh Nguyễn Tuấn D) và 02 “Biên bản xác minh” tại địa phương, cụ thể:

Biên bản làm việc ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, thì bà Vũ Thị L trình bày nội dung: chị V và anh D kết hôn với nhau năm 2010 và sống cùng với vợ chồng ông bà tại địa chỉ tổ 2, khu 6, phường B, thành phố H được khoảng 02 năm thì chị V và anh D chuyển đến sinh sống tại địa chỉ tổ 9, khu 4, phường G, thành phố H. Bà L xác nhận trong quá trình chị V và anh D chung sống với nhau đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà là người trực tiếp khuyên chị V và anh D nhưng đều không có kết quả. Do mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên tháng 2 năm 2017 thì chị V và Nguyễn Tuấn K (con chung của chị V và anh D) chuyển về nhà ngoại của chị V ở khu 8, phường Y, thị xã Q sinh sống cho đến nay; còn anh D thì chỉ thỉnh thoảng về nhà ở tại địa chỉ tổ 9, khu 4, phường G, thành phố H. Anh D chỉ nói với bà L hiện nay đang ở khu vực C, phường H, thành phố H nhưng còn địa chỉ cụ thể thì không cho bà L biết. Anh D vẫn thường xuyên về thăm ông bà.

Bà L là người nhận Thông báo thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị V và anh D. Sau khi nhận được Thông báo, bà L đã liên lạc để thông báo cho anh D biết

qua số điện thoại 0987662468, nhưng anh D nói với bà L: đây là việc riêng của anh D, chị V nộp đơn thì tự giải quyết, anh D không đến Tòa án, mặc kệ vụ việc ra sao thì ra.

Biên bản xác minh ngày 15/5/2022, tại khu 6, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long thể hiện nội dung: anh Dũng và chị Vui kết hôn năm 2010 và sống chung với ông Nguyễn Đình Lệ và bà Vũ Thị Lan (bố mẹ đẻ của anh Dũng), từ năm 2010 đến năm 2013 thì anh Dũng, chị Vui chuyển đi nơi khác. Anh Dũng vẫn thường xuyên về thăm ông Trường, bà Lan.

Biên bản xác minh ngày 15/5/2022, tại khu 4, phường G, thành phố H thể hiện nội dung: anh D, chị V sinh sống tại địa phương từ năm 2013 đến năm 2017. Do quá trình chung sống giữa anh D và chị V phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau nên tháng 02 năm 2017, chị V và cháu K đã chuyển đi nơi khác sinh sống. Thỉnh thoảng địa phương có nhìn thấy anh D về nhà còn chị V và cháu K thì không thấy quay về.

* Các tài liệu, chứng cứ chị Ngô Thị V đã nộp kèm theo đơn khởi kiện, gồm: Chứng nhận kết hôn (bản chính); Sổ hộ khẩu (02 bản sao); Căn cước công dân (02 bản sao); Trích lục khai sinh (01 bản sao).

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật;

+ Các đương sự: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thường xuyên có mặt tại địa phương, nhưng đã biết Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long thụ lý, giải quyết vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” giữa chị V và anh D, nhưng cố tình vắng mặt là vi phạm về quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tình cảm: căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngô Thị V: xử cho chị Ngô Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn D.

+ Về con chung: giao cho chị Ngô Thị V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 29/01/2016. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị V không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị V trình bày là không có, nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các nội dung trình bày, yêu cầu của đương sự; Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị V về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Hạ Long, nên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền.

- Về việc giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:

Đối với nguyên đơn chị Ngô Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa và chị V đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Đối với bị đơn anh Nguyễn Tuấn D: căn cứ vào nội dung biên bản làm việc ngày 20/5/2022, thì anh D vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua số điện thoại 0987662468. Bà L là mẹ đẻ của anh D đã gọi điện thông báo cho anh D về việc Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa chị V và anh D, nhưng anh D đã cố tình không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án và cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, có cơ sở xác định việc anh D vắng mặt tại địa phương như nêu trên là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh D bảo đảm theo đúng quy định tại Khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo đúng quy định.

[2] Về nội dung:

* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Ngô Thị V và các tài liệu chứng cứ do chị V cung cấp, do Tòa án thu thập nêu trên, có đủ căn cứ xác định:

Chị V và anh D chung sống với nhau từ năm 2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân xuất phát từ sự bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau.

Do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không cải thiện được, nên quan hệ giữa vợ chồng không còn sự tôn trọng, yêu thương quý trọng lẫn nhau. Kể từ tháng 2 năm 2017 đến nay chị V và anh D sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V: xử cho chị V được ly hôn với anh D.

- Về con chung: căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: chị V và anh D có 01 con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 29/01/2016. Hiện nay con chung đang ở cùng chị V. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị V về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tuấn K. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị V không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: chị V trình bày là không có, nên không xét.

Do anh D không tham gia tố tụng, nên anh D có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về tài sản chung, khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: chị Ngô Thị V phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngô Thị V về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Ngô Thị V ly hôn với anh Nguyễn Tuấn D.

Về con chung: giao cho chị Ngô Thị V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 29/01/2016 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Tuấn D không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị Ngô Thị V.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: chị Ngô Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000448 ngày 04/3/2022, của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp Hạ Long;
- Chi cục THA Dân sự tp Hạ Long;
- UBND p Bãi Cháy; tp Hạ Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Ngọc An